

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số:171/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 12 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Tự;
2. Ông Huỳnh Mẫn Xuyên.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trện – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 555/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2022/QĐXXST-HN, ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trần Kim T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp 4, xã M, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Trần Kim T (Sau đây gọi chị T) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Nguyễn Văn D (Sau đây gọi anh D) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 1995, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị không quan tâm lo lắng đến gia đình mà còn có quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành và chồng chị vẫn không sửa đổi

được gì nên đã sống ly thân từ năm 2017. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh D.

-Về con chung: Có hai người con chung nhưng một người đã đủ tuổi trưởng thành, người còn lại tên Nguyễn Văn K (Nam), sinh ngày 28 tháng 7 năm 2006. Con chung, sống với chị T, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, chưa yêu cầu cấp dưỡng.

Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Văn D trình bày:

Thừa nhận vợ chồng anh chung sống vào năm 1995, có đăng ký kết hôn có hai con chung. Đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay vợ anh xin ly hôn, anh xác định chung sống không hạnh phúc nên cũng đồng ý ly hôn. Về con chung anh đồng ý để vợ anh nuôi dưỡng, anh có tiền thì cho con chứ không ràng buộc nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 9 năm 2022, cháu Ktrình bày (Có sự chứng kiến của chị T): Khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn chưa cấp dưỡng; về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với chị Tuyến.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1995, đến ngày ngày 30 tháng 8 năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: Chị và anh D trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là anh D không quan tâm lo lắng đến gia đình là đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân, trong thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, chị T xác định không còn tình cảm với anh D và cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa anh Dũng xác định sống chung không hạnh phúc nên cũng đồng ý ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Có một người con đã đủ tuổi trưởng thành, người còn lại là cháu Khiêm, chị T có yêu cầu được nuôi cháu Khiêm. Xét cháu Khiêm được chị Tuyến nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu, cần tiếp tục giao cháu cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh D có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận;
Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Kim T và Nguyễn Văn D.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Văn K (Nam), sinh ngày 28 tháng 7 năm 2006 cho chị Trần Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh D có yêu cầu khác.

Nguyễn Văn D chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Nguyễn Văn D mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Kim T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008449, ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã M,
- h.P t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm